TRUYỆN TRANH SONG NGỮ VIỆT ANH

Walt Disney's Donald và bạn hữu

Tập 68

© Disney Enterprises, Inc.,
The Saigon Times hợp tác xuất bản
với Nhà Xuất bản Trẻ
Theo hợp đồng li-xăng của Walt Disney
dành cho Saigon Times

Quyết đấu với bò mộng

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
SaigonTimesGroup
THE SAIGON TIMES

VỊT BÀ

Chú Gus tham ăn

Người dịch : ĐÔNG QUỲNH

1. Gus! Cháu đang làm cái trò gì vậy hả, ăn vụng bữa tối của cả nhà à?!
2. B...bà ơi! Ực! Mùi súp của bà ngon quá, mà cháu thì đang đói ngấu! Cháu xin lỗi ạ!
3. Cháu sẽ đói như thế nếu mà tối nay chả có gì ăn! Giờ trở lại làm việc đi!
4. Ôi, bà ơi, bà biết là cháu hổng thể nào làm việc được trong khi bụng cháu réo lên ọt ọt mà!
5. Tệ hết sức! Không làm thì khỏi ăn! Chưa tới giờ ăn tối thì đừng có quay lại nghe chưa!
6. Ôi!
7. Xong! Như vầy sẽ làm nó không vô nhà được! Giờ đi kiểm mấy cái cửa sổ!
8. CẠCH!
9. Cái tiếng gì vậy kia?!
10. RỘỘỘỘT!
11. **Quác!** Quá mức rồi, Gus! Không có bữa ăn cho cháu tối nay đâu!
12. Cháu sẽ không cần đâu a! Ực!
13. RỘỘỘỘT!

1. Gus! What in tarnation are you doing, sneaking a taste of our supper?!
2. G-Grandma! >Gulp!< Your soup smells so tasty, and I'm so plumb hungry! I'm sorry!
3. You will be, if there's nothing to eat tonight! Now get back to your chores!
4. Aw, Grandma, you know I can't work while my tummy's rumbling!
5. Too bad! No work, no food! Now don't come back till supper time!
6. Groan!
7. There! That'll keep him out of the house! Now to check the windows!
8. CLICK!
9. What in glory's name?!
10. SLURRRPPP!
11. Waak! That settles it, Gus! No supper for you tonight!
12. I won't need it! >Burp!<
13. SLURRRPPP!

VỊT DONALD

Chiếc tàu Nữ hoàng Namibian

Người dịch : VIỆT DŨNG











1. Huh! I shall have something to say about this as soon as they land! I will not tolerate the deliberate flaunting of rules!
2. Oh, come off it, Unca Donald! People just forget! It was no great crime!
3. I doubt the world will come to an end because of what they did!

4. DONALD'S BOAT HIRE
5. DUCKBURG NATIONAL PARK
6. Nonetheless... rules are rules!
7. And you broke rules, my good woman!
8. I did?
9. You visited the wildfowl sanctuary island in the middle of the lake, which is off-limits for boaters! You're lucky you weren't set upon by nesting swans!

10. Oh, mummy! We left Betsy on the island!
11. Eh?!! Who?!!
12. Her doll! We'll have to go back for it! She won't go anywhere without her doll!
13. You mock me madam! If you think anyone's returning to that island for a mere doll, you've got another thing coming!

14. HU HU! OA OA! Con muốn con búp bê! Con muốn con búp bê!

15. Nè, cháu không thể lấy nó được! Coi kìa! Việc quay lại đó rất nguy hiểm! Nó....

16. **ÁAÁAA!** Con muốn con búp bê! Con muốn con búp bê!

17. Ai đó giúp tui! Tên vịt gian ác này ăn cắp con búp bê của tui! Và hắn làm nhiều điều độc ác với mấy con gấu nhồi bông nữa! Và hắn....

18. Tui đi đây! Đừng sợ! Tui sẽ quay lại ngay!

19. Đã nói rồi mà!

20. Đứa bé quỉ quái! Toàn chuyện rắc rối! Chừng trở về mình phải tính tiền công đi lấy con búp bê mới được!

21. Nó đây rồi! May chưa bị mấy con thiên nga xơi tái! Không ai biết nổi chúng có thể làm gì lúc này, khi mà chúng đang làm tổ!

22. Ối, chết tui! Tui biết mà! Tui biết mà!

23. S!!!T! S!!!T! S!!!T!

24. **OÁI!** Mình phải tìm chỗ núp ngay! Nếu không thì mình thành món pa tê gan vịt Donald mất!

25. S!!T! S!!T!

26. Túp lều kìa! Tuyệt hảo! Nếu mình tới đó kịp...

27. S!!!!T! S!!!!T!

14. BOO-HOOOO! WAAAAHH! YAAAAHHH! I want my dolly! I want my dolly!
15. Well, you can't have it! So there! It's too dangerous to go back! It's...
16. AIEEEEEE! I want my dolly! I want my dolly!
17. Someone help me! This wicked duck's stolen my dolly! And he does brutal things to teddies as well! And he...
18. Just going! Don't panic! I'll be back in a trice!
19. Told you!
20. Confounded child! Nothing but trouble! I ought to charge a fare for the doll when I get back!
21. Here it is! She should be grateful the swans haven't eaten it! There's no telling what they can do at this time of year, when they're nesting!
22. Oh, swipe me! I knew it! I knew it!
23. HSSSSSS! HSSSSSSS!
24. WAAKK! I've got to find cover! Quick! Or I'm Donald foie gras!
25. HSSSSS! HSSSSS!
26. That hut! Perfect! If I can make it in time...
27. HSSSSS! HSSSSS!

29. S!!!!!T!
S!!!!!T!
30. RẦM!
28. PHÙ!
31. Uii! Cảm ơn trời phật! Nhưng sao trước giờ mình không thấy cái lều này nhỉ?
32. Mấy thứ gì đây? Quần áo đi rừng cổ xưa thứ thiệt... một cái mũ rơm và...
33. ...coi bộ giống một cuốn nhật ký cổ khá lớn hoặc hồi ký hay gì đó!
34. Một lát sau...
35. Đây nè, thưa tiểu thư! Không bị một vết trầy! Mấy vết trầy nằm hết trên mình tui rồi!
36. Nào! Để tụi cháu bôi thuốc cho, chú Donald!
37. Và chúng cháu sẽ xem kỹ cuốn sách của chú! Lạ quá há? Chúng cháu không hề biết là có tiệm sách trên đảo!
38. Tất cả các trang đều được bôi sáp để chống sự ẩm thấp của rừng già! Giỏi thật! Nếu không thì chúng bị mục nát từ lâu rồi!
39. Chuyện gì vậy? Nó nói gì?
40.
41.
Hình như nó thuộc về ông Hugo van Humbert, nhà thám hiểm hàng đầu của Duckburg vào thế kỷ 19! Ông có vẻ là người rất lập dị!
Đúng vậy! Nhưng hãy nghe đoạn này nè! Vào cuối năm 1863, ông và thủy thủ đoàn của ông bị thổ dân hung dữ tấn công khi họ dong buồm ra khơi trên chiếc tàu của họ, chiếc Nữ hoàng Namibian!

28. PHEW!
29. HSSSSS! HSSSSSS!
30. SLAAMMM!
31. Uff! Thank goodness for that! But how come I've never even seen this hut before?
32. And what's all this stuff? Really ancient jungle clothing, a pith helmet and...
33. ...looks like quite a big old diary or memoirs or something!
34. A little later —
35. There you are, young lady! Not a scratch on her! They're all on me!
36. C'mon! Let's get you patched up, Unca Donald!
37. And we'll have a look through your book! Funny, isn't it? We didn't even know there was a book shop on the island!
38. All the pages are waxed to protect them against the humidity of the jungle! Good job! Or this would have rotted years ago!
39. What's it all about? Does it say?
40. Seems it belonged to Hugo van Humbert, Duckburg's leading 19th century explorer! Quite an eccentric, he sounds!
41. Yeah! But listen to this bit! In late 1863, he and his party were set upon by irate tribesmen as they sailed aboard their riverboat, the Namibian Queen!

42. Vậy hả? Đâu có gì ly kỳ! Chú chắc chắn là có rất nhiều nhà thám hiểm bị thổ dân hung dữ tấn công!

43. Chiếc tàu này lúc đó đang chở một thùng châu báu! Và, để trốn thoát bằng ca-nô, Humbert cùng bộ hạ của ổng đã buộc phải bỏ tàu lại!

44. Vậy ư?!! Sách có nói ở đâu không?

45. Nó chỉ nói tại một nơi bí mật tiếp giáp giữa hai dòng sông Naboko và Wadiki! Chúng ở nước Zimbwana, đúng không?

46. Ấy! Đứng yên nào! Làm sao cháu bôi thuốc cho chú được nếu chú cứ nhảy nhót lung tung như con bọ chét trên đĩa hâm vậy?

47. Bỗng dưng chú lành lặn một cách kỳ diệu! Và chúng ta sẽ xài hết tiền tiết kiệm vào chuyến đi tìm kho tàng của ông van Humbert và biết đâu trục vớt được chiếc Nữ hoàng Namibian!

48. Ê! Ta đã nghe hết rồi! Có chuyện nhượng quyền tàu bè gì ở đây vậy hả?

49. Đẹp tiệm! Bọn ta chả được gì với cái chuyện cho thuê tàu đổi lại bằng đậu phộng này rồi, ông bạn!

50. Khoảng một tuần sau...

51. Đến nơi rồi, lũ nhóc! N'Tali! Ngôi làng nhỏ gần chỗ chúng ta nhắm tới nhất!

52. Ồ, trời ơi! Coi có vẻ xơ xác tiêu điều quá!

53. Cả cái quán nước cũng vậy, nhưng phải đành thôi nếu chúng ta muốn thỏa mãn cơn khát dữ dội này!

54. N'TALI

55. QUÁN NƯỚC JOE

56. Ồ, trời ơi! Nhìn ba thằng cha kia kìa! Chúng có vẻ rất mờ ám! Chỉ cần đứng cạnh chúng là cậu có thể tránh bị rám nắng!

57. Làm ơn cho mấy ly xô-đa!

58.

Bốn tên bất lương làng N'Tali đang đến đây đó! Ở lại đây lâu không, ông khách lạ?

59. À... không nếu chúng tôi xoay sở được! Có vẻ như không có nhiều việc làm cho chúng tôi ở đây!

42. So? That's no big adeal! I'm sure lots of explorers were set upon by irate tribesmen!
43. This riverboat was carrying a cargo of treasure! And, in order to escape by canoe, Humbert and his men were forced to abandon the boat!
44. Yeah?!! Does it say where?!!
45. It just says at a secret location at the confluence of the Naboko and Wadiki rivers! They're in Zimbwana, aren't they?
46. Hey! Keep still! How can I patch you up if you're leaping about like a flea on a hotplate?
47. Suddenly I'm miraculously healed! And we're going to blow our savings on a mission to find van Humbert's treasure and maybe salvage the Namibian Queen!
48. Hey! I heard all that! What about your boating concession here?
49. Up it! I've had it with hiring out boats for peanuts, pal!
50. A week or so later —
51. Here we are, boys! N'Tali! The nearest settlement to where we're heading!
52. Oh, boy! Does it look seedy!
53. So does the local bar, but it'll have to do, if we're to slake these raging thirsts!
54. N'TALI
55. JOE'S BAR
56. Oh, boy! Look at those three characters! They look so shady, you could avoid sunburn just standing near 'em!
57. We'd like some sodas, please!
58. Four N'Tali Mangotwisters coming up! Staying long, stranger?
59. Er... not if we can help it! Doesn't seem much work for us round here!

60. Việc làm hả? Anh đang tìm loại việc làm gì?

61. Chúng tôi là những người sưu tập rắn độc! Thích tán dóc chút không?

62. À... bữa khác đi! Nhưng xin chúc may mắn ở nơi khác!

63. Hề, hề! Mình nghĩ điều đó sẽ làm chúng mất hứng đối với bọn mình!

64. Nào,.. chúng ta sẽ tìm kiếm chiếc Nữ hoàng Namibian và kho tàng của nó ở ngay... chỗ đó!

65. Đường cũng còn khá xa đó! Có lẽ chúng ta nên uống hết ly nước và đi khi trời còn sáng!

66. Chẳng bao lâu...

67. Xin cảm ơn! Tạm biệt!

68. Tạm biệt!

69. Ô! Vậy đó là nơi mày phải đến! Bộ mày mới ngủ hả?

70. Đúng vậy, cho tới khi chúng đánh thức tao!

71. Và cũng xứng đáng bị đánh thức lắm! Bọn bay biết chúng đang đi đâu không? Tìm kho tàng! Bọn chúng có bản đồ!

72. À, chúng nó là đồ nói láo ghê tởm! Chúng nói...

73. Đừng quan tâm điều chúng nói! Ta hãy đi theo chúng! Bọn ta có nhiệm vụ bảo vệ những con vịt đó trong xứ sở nguy hiểm này, đúng hén?

74. Rất đúng! Và nếu không có gì nguy hiểm thì chúng ta phải làm cho nó nguy hiểm, hén?

60. Work? What sort of work are you looking for?
61. We're poisonous snake collectors! Care for a chat?
62. Er... another day, perhaps! But good luck somewhere else!
63. Heh, heh! I thought that might make 'em lose interest in us!
64. Now... we should find the Namibian Queen and its treasure right... there!
65. It's still quite a way off! Maybe we should finish our drinks and use what daylight's left!
66. Soon —
67. Thanks again! 'Bye!
68. 'Bye!
69. Oh! So that's where you got to! Having a nap, were you?
70. I was till they wakened me!
71. And was it worth being wakened for! You know where they're going? After treasure! They've a map there!
72. Why, the lyin' toads! They said...
73. Never mind what they said! let's be after them! We've a duty to offer those ducks some protection in this dangerous country, eh?
74. Sure thing! And, if it ain't dangerous, we'll make it dangerous, eh?

75. Vài giờ sau...
76. Này! Cháu nghe gì không?
77. Có lẽ có! Chú có đủ loại tiếng động kỳ dị trong rừng già!
78. Không phải, đó rõ ràng là tiếng động của con người!
79. Đúng lắm! Thật là một con vịt thông minh!
80. Đưa bản đồ đây, thưa ông!
81. Nó đây rồi! Và địa điểm quan trọng được đánh dấu! Có vẻ bọn ta sắp giàu rồi, mấy bồ ơi!
82. Tuyệt! Vậy chúng ta khử bốn thằng này và lên đường!
83. Này, đó chưa phải là ý nghĩ hay lắm, đúng không? Ít nhất cũng phải để chúng khuân vác kho tàng về trước đã!
84. Hay! Ý hay đó! Chính tao cũng có ý nghĩ về phu khuân vác nặng nhọc!
85. Ồ, và bọn bay có thể phục vụ bữa ăn tối cho tụi tao! Hãy nhanh lên!
86. Cứ tin tưởng chúng tôi, thưa ngài! Chúng tôi sẽ nấu cho các ngài một món rất đặc biệt!
87. Hả? Ý cậu là gì hả? Tại sao phải nịnh bợ? Cậu hy vọng được tha hả?
88. Đâu phải! Chỉ là đánh lạc hướng chúng thôi! Hãy xem cái gì đến với chúng ta kìa kìa!
89. Kiến lính bù nhót! Nấu với đường sẽ thành một bữa đại tiệc đó!
90. Hê, hê! Ý cậu cũng giống ý tớ hả?

75. Some hours later —
76. Say! You hear something?
77. Probably! You get all sorts of strange noises in the jungle!
78. No, it was decidedly human!
79. That's right! What a clever duck!
80. The treasure map, if you please!
81. Here it is! And the vital spot's marked! Looks like we're in clover, fellers!
82. Great! So let's get these four bumped off and be on our way!
83. Now, that's not very bright thinking, is it? Let them at least carry the treasure back first!
84. Yeah! Good thinking! Personally I find the idea of being a porter hard work, too!
85. Oh, and you can serve us dinner! And be quick about it!
86. Most certainly, sirs! We will make you something very special!
87. Huh? What was all that about? Why the toadying? You hoping to be spared?
88. Nope! It was just to distract them! Look what's come our way!
89. Soldier ants! Making a banquet out of our sugar!
90. Heh, heh! You thinking what I'm thinking?

91. Đúng! Trước tiên chúng ta đổ một ít xi-rô vào bình xịt! Rồi ta xịt thành một con đường nhỏ ngang qua chỗ bọn cướp!

92. Và rồi "xức dầu" lên người bọn cướp, đúng không? Ha, ha, ha!

93. Một lúc sau...

95. Ha! Ha! Ha!

96. XIIIT!

94. Cái gì...?!!

97. Được! Quá lắm rồi! Chúng mày tiêu đời rồi!

98. Ồ, vậy ư?

99. Thế còn bọn bay? Một trò chơi dành cho lũ kiến?

100. Hả?!!

101. AAAAAAAAAAAAAA! Áiiiiiiiiiiii!

102. Cứ thưởng thức kho tàng của bọn bay đi! Tao đang nói với lũ kiến đó, đúng vậy! Chưa khi nào có bữa tiệc như vầy trước giờ, phải không kiến?

Sau đó...

103.

104. Bình minh đã đến! Các cháu có nghĩ rằng mình sắp đến nơi không?

105. Cháu nghĩ vậy!

106. Tới nơi rồi! Dòng sông Naboko hùng vĩ nối với dòng Wadiki cũng vĩ đại không kém!

107. Chà! Cảnh đẹp quá!

91. Right! First we decant some syrup into a flit spray! Then we spray a sweet trail across to the crooks!
92. And then anoint the crooks themselves, eh? Ha! Ha! Ha!
93. Moments later —
94. What the...?!!
95. Ha! Ha! Ha!
96. PHSSSS! PHSSSS!
97. Right! That does it! You're past tense!
98. Oh, yeah?
99. And what are you? A game reserve for ants?
100. Huh?!!
101. AAAAAAAAAHHHH! YAIEEEEEE-EEEEE!
102. Enjoy your treasure! I'm talking to the ants, of course! Never had a feast like it before, have you?
103. Later —
104. Here comes dawn! Think we should be nearly there now?
105. I should say so!
106. There we are! The mighty Naboko joining the equally mighty Wadiki!
107. Phew! Some sight!

108. Đúng! Một hợp lưu hùng vĩ! Chiếc xuồng máy nhỏ kia sẽ gặp nhiều vất vả trong việc tìm kiếm đó!

109. Có thể không đâu! Hãy nhớ hồ Công viên Quốc gia Duckburg đi! Không phải là ông van Humbert thích thú những hòn đảo ít bị che phủ sao?!

110. Chu cha! Có vẻ giống quá!

111. Hãy bơm phồng xuồng hơi! Rồi ta đi!

112. Sau đó...

113. Ăn một chút trên đường đi nghe? Ai thích xúc xích tiêu cay không?

114. Bây giờ thì không! Hồi hộp quá, ăn hổng nổi!

115. Hả? Chú chưa bắt đầu ăn mà!

116. **Quác!** Chính nó ăn! Nó khoái xúc xích!

117. Cháu nghĩ rằng nó cũng hổng phun cánh tay của chú ra đâu! Mình hãy tăng hết tốc độ chạy xa đi!

118. PHẬP!

119. Lêu lêu! Bị bịp rồi, thằng ngốc!

120. VRÙÙÙM!

121. Tuy nhiên...

122. Ôi, nguy to rồi! Không! Chúng đang bơi tới từ khắp mọi phía!

123. Chắc hẳn toàn bộ dân số cá sấu địa phương đang đuổi theo chúng ta!

124. Nh...nhưng tại sao?!!

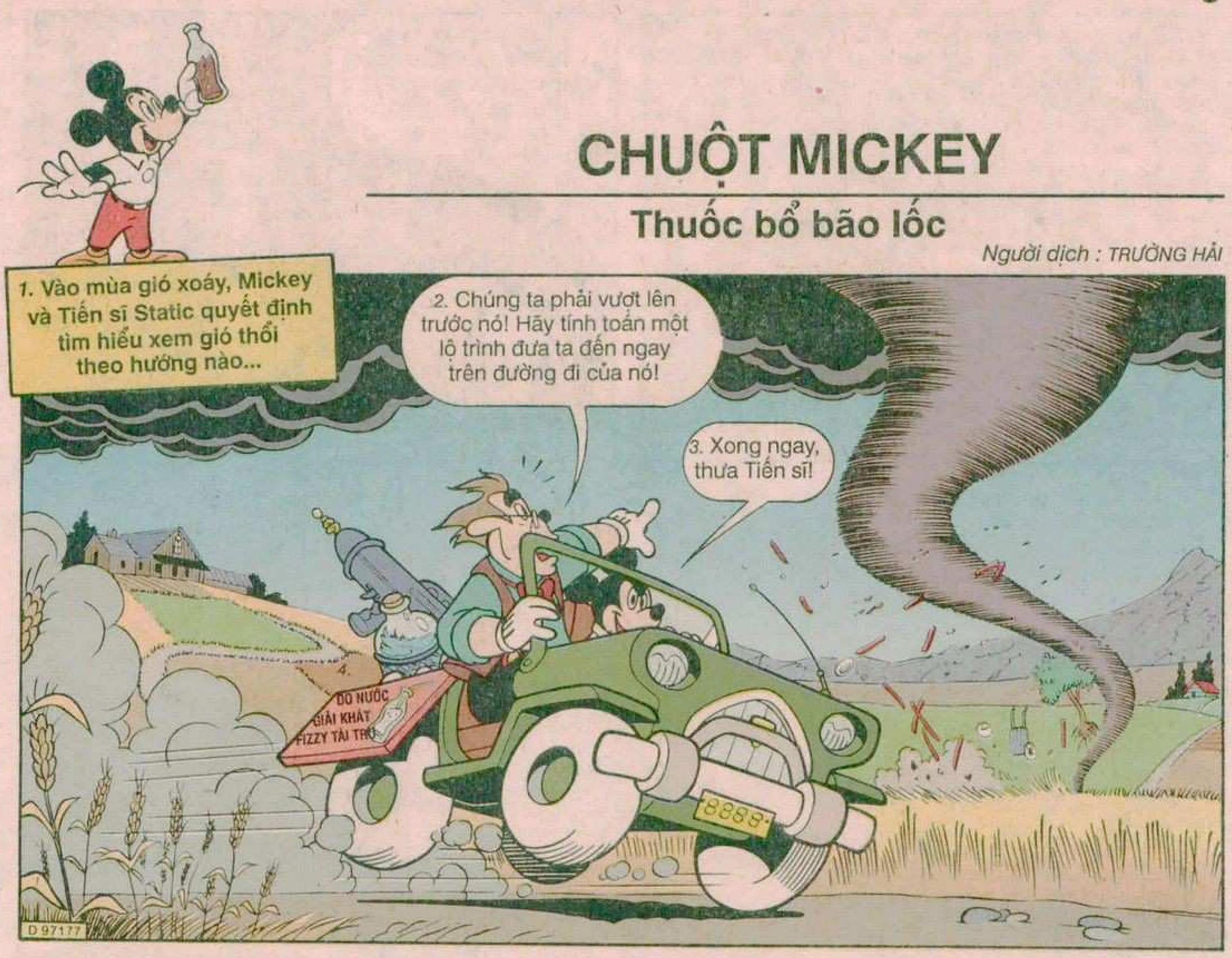
108. Yep! A mighty big confluence! That little chuggerboat is going to take a heckuva lot of finding!
109. Maybe not! Remember Duckburg National Park lake! Didn't van Humbert have a shine for little overgrown islands?!
110. Wow! Yeah! It looks very similar!
111. Inflate the inflatable! Then let's go!
112. Soon —
113. Might as well have a snack on the way, eh? Anyone want a spicy pepperoni sausage stick?
114. Not now! Too excited to eat!
115. Huh? I haven't started eating yet!
116. Wak!! It was him! He's taken a liking to the sausage!
117. I don't think he'd spit out your arm either! Let's get this engine up to top speed and be away!
118. SNAP!!
119. Heh, heh! Fooled you, sucker!
120. VROOOOOOOMMM!!
121. However —
122. Oh, bloomers and bedknobs! No! They're coming from all directions!
123. The entire local crocodile population must be after us!
124. B-but why?!!

(Xem tiếp tập 69)

CHUỘT MICKEY

Thuốc bổ bão lốc

Người dịch : TRƯỜNG HẢI











1. It's twister season, and Mickey and Doc Static have decided to see just which way the wind is blowing —
2. We've must get ahead of it! Calculate a route that will put us right in its path!
3. You got it, Doc!
4. SPONSORED BY FIZZY POP
5. Thanks for letting me tag along on this outing, Doc! It's a thrill to get to see a tornado up close!
6. Glad to have you along, Mickey! I can certainly use your assistance in my great experiment!
7. Then it's time you fill me in, Doc! What exactly do you hope to accomplish with that gizmo?
8. Nothing less than the elimination of the threat of twisters once and for all!
9.?!?

10. Tất nhiên công trình của chúng ta sẽ không thể thực hiện được nếu không có sự giúp đỡ của công ty Nước giải khát Fizzy! Họ đã hào phóng biểu quyết tài trợ cho nỗ lực của tôi!

11. Trời, Tiến sĩ à! Ông nói cứ như quảng cáo trên truyền hình vậy!

12. DO NƯỚC GIẢI KHÁT FIZZY TÀI TRỢ

13. Nhưng chúng ta đã đến quá gần cơn gió kinh khủng đó rồi! Hãy cho tôi biết các chi tiết — **lẹ đi!**

14. Thiết bị của tôi sẽ chuyển hóa một luồng tĩnh điện siêu ion hóa — **coi chừng con bò đó** — vào trong chỗ chứa có đựng một dung môi lỏng do những phân tử hydro và oxy kết chặt với nhau!

15. Hay nói cách khác, là một chai nước!

16. **Chính xác!** Khi được đặt gần một cơn lốc xoáy thì cái chai nước đã tăng nạp đó sẽ, về lý thuyết, hoạt động như một nam châm hút gió lốc...

17. ...lôi kéo cơn lốc đến với nó như thể một con nai bị thu hút bởi tiếng gọi của nai! Tôi hiểu rồi!

18. Khi tiếp xúc với cái chai thì — **rụp!** Động năng của cơn lốc sẽ bị hút vào trong nước!

19. Sau đó cái chai sẽ được niêm phong và lưu trữ ở một nơi an toàn không bị va chạm! Thế là bầu trời sẽ lại trong xanh!

20. Đối với tôi chuyện này có vẻ hơi kỳ cục! Nhưng chúng ta sẽ cố hết sức thử xem!

10. Of course, our enterprise wouldn't be possible without the help of the Fizzy Pop Company! They generously elected to fund my endeavor!
11. Gosh, Doc! You sound like a commercial!
12. SPONSORED BY FIZZY POP
13. But we're getting awful close to that whale of a wind! Give me the details — quick!

14. My device will transfer a super-ionized electrostatic charge — Look out for that cow! — into a receptacle which contains a liquid solvent of closely bonded hydrogen and oxygen molecules!
15. In other words, a bottle of water!
16. Correct! When placed in the vicinity of a twister, the super-charged bottle of water will theoretically act as a tornado magnet...

17. ...drawing the twister to it like a moose attracted to a moose call! I get it!
18. On contact with the bottle — Poof! The kinetic energy of the tornado will be sucked into the water!
19. The bottle will then be sealed and stored in a safe place where it won't be jostled! Skies will be blue once again!
20. Sounds a little wacky to me! But let's give it the old college try!

21. Nhưng Mickey và ông Tiến sĩ không biết rằng họ đang bị chăm chú quan sát từ xa...

22. Hai thằng khờ kia định làm gì thế? Cớ sao chúng lại ra đây trong cơn bão dữ dội này?!

23. DUCKBURG 10KM

24. SLEEZY POP

25. Và Nước giải khát Fizzy định làm gì trong vụ này? Phải chăng đây là một kế hoạch quỷ quyệt khác của họ?

26. DO NƯỚC GIẢI KHÁT FIZZY TÀI TRỢ

27. Là Trưởng ban Nghiên cứu Phát triển của Nước giải khát Sleezy, ta, Alfredo de Darke, phải không ngừng đề cao cảnh giác!

28. Người ta nói rằng Nước giải khát Sleezy là đối thủ hạng hai của Nước giải khát Fizzy! Họ nói rằng chính vì nước uống của chúng ta có mùi vị không ngon, do đó là một sản phẩm kém hơn!

29. Hừ, ta sẽ chứng tỏ rằng họ sai! Cho dù ta có phải đánh cắp bí quyết của Nước giải khát Fizzy!

30. Rồi đó, Tiến sĩ! Tôi đã đưa ông đến ngay trên đường đi của cơn lốc siêu vĩ đại này! Hãy làm công việc của ông xem sao!

31. Trước hết tôi đặt chai nước này trên mặt đất...

21. But unknown to Mickey and the Doc, they are being carefully scrutinized from afar —
22. What are those two knuckleheads up to? Why are they out in this raging storm?!
23. DUCKBURG 10KM
24. SLEEZY POP
25. And what has Fizzy Pop got to do with all of it? Is this another one of their cunning schemes?
26. SPONSORED BY FIZZY POP
27. As head of Research and Development for Sleezy Pop, I, Alfredo de Darke, must remain ever vigilant!
28. People say that Sleezy Pop is a second-rate rival of Fizzy Pop! They say just because our drink doesn't taste good, we're not a better product!
29. Well, I'll prove them wrong! Even if I have to steal Fizzy Pop's secrets!
30. Okay, Doc! I've put you right in the path of this humongous twister! Let's see you do your stuff!
31. First I place this bottle of water on the ground...

32. ...rồi tôi bắn vào nó bằng thiết bị này!

33. Mong sao nó có công hiệu! Tôi không nghĩ rằng cơn lốc này có nhã ý đưa chúng ta tới tầng ô-zôn!

34. Được! Cơn lốc đang lao đến cái chai!

35. ÙÙ Ù M!

36. **Hoan hô!** Ông làm được rồi, Tiến sĩ! Ông vừa mới giúp cho thế giới này trở nên an toàn hơn!

37. **Ồ!** Vậy té ra đó là ý đồ của họ!

38. Họ trù tính bơm cái loại nước đã tăng cường năng lượng ấy vào Nước giải khát Fizzy! Nó sẽ thành một loại nước uống rất mạnh mẽ — **Thuốc bổ Bão lốc!** Quần chúng sẽ ham thích như điên!

39. Bằng mọi giá, ta phải đoạt lấy cái thiết bị đó!

32. ...then I zap it with my device!
33. This better work! I don't think that tornado's in the mood to take us to Oz!
34. Yes! The twister's leaping for the bottle!
35. PHHWOOOOOOMMPH!!!
36. Yahoo! You did it, Doc! You've just helped make the world a safer place!
37. >Gasp!< So that's their game!
38. They plan to inject that energy enhanced water into Fizzy Pop! It'll be a drink with a real kick — Tornado Tonic! The public will go nuts for it!
39. By hook or by crook, I must get my hands on that gizmo!!

Tối hôm đó, trong phòng thí nghiệm của Tiến sĩ Static...

41. Hãy nâng chai Nước giải khát Fizzy để uống mừng đi, Tiến sĩ! **Mừng thành công của ông!**

42. Cám ơn, Mickey!

43. Này, tôi đi ngủ đây! Bữa nay đã bận rồi mà ngày mai chúng ta sẽ phải làm thêm các thí nghiệm nữa!

44. **>Ngáp!<** Đúng đấy! Hẹn gặp sáng mai nhé!

45. **Nhưng một lát sau..**

46. **Hà! Hà!** Mấy thằng ngốc ngủ mê đó lẽ ra không nên quên khóa cửa sổ!

47. Thiết bị đó đây rồi! Lại đây với bố! Chúng ta cùng nhau xây dựng cơ nghiệp!

48. **Sáng sớm hôm sau...**

49. Xin chào, Tiến sĩ! Trời ơi! Tôi ngủ như chết! Ông đang xem gì vậy — **biểu đồ thời tiết ư?**

50. Một sự trùng hợp ngẫu nhiên đặc biệt nhất! Những báo cáo này cho biết rằng trong đêm qua, hơn nửa tá cơn lốc đã hoàn toàn tan biến đi một cách bí ẩn!

51. Chà! Nhìn bề ngoài thì đó là tin tốt lành! Nhưng tôi tự hỏi...

52. **Tiến sĩ! Cái máy bắt cơn lốc của ông! Nó mất tiêu rồi!!**

40. That night, in Doc Static's field lab —
41. Let's raise our bottles of Fizzy Pop in a toast, Doc! To your success!
42. Thank you, Mickey!
43. Well, I'm off to bed! It's been a busy day and we should do more experiments tomorrow!
44. >Yawn!< Good idea! See you in the morning!
45. But moments later —
46. Heh! Heh! Those slumbering fools should know better than to leave a window unlocked!
47. There's the gizmo! Come to poppa! We'll make a beautiful fortune together!
48. Bright and early the next morning —
49. Morning, Doc! Boy, I slept like a log! What are you watching — the weather channel?
50. A most peculiar coincidence! These reports say that during the night, more than a half dozen twisters mysteriously vanished into thin air!
51. Golly! On the surface, that's good news! But I wonder...
52. Doc! Your tornado catcher! It's gone!!

53. Hãy nhìn con đường bùn lầy này — **vết bánh xe của một chiếc xe tải!** Còn đây là cái gì?

54. Có vẻ là một cái chai rỗng!

55. **Ối chà! Nước giải khát Sleezy!** Kẻ nào có đầu óc bình thường mà lại đi uống cái thứ rác rưởi này nhỉ?

56. Một nhân viên của Nước giải khát Sleezy!

57. Tôi nghe nói Trưởng phòng Thí nghiệm Nghiên cứu và Phát triển của họ là một nhân vật cực kỳ đê tiện! Có lẽ hắn đang tìm cách phỗng tay trên thành quả của Nước giải khát Fizzy chăng?

58. Và cả thiết bị của ông nữa!

59. Chỉ có một cách để tìm ra! Nào, Tiến sĩ! **Chúng ta lên đường!**

60. **Sau đó, tại phòng thí nghiệm Nghiên cứu và Phát triển của Nước giải khát Sleezy...**

61. Mình đã thức suốt đêm để đánh bẫy các cơn lốc và vô chai thứ nước đó thành Thuốc bổ Bão lốc, nhưng cũng đáng công! Một khi mình cung cấp các chai này cho Duckburg thì chúng sẽ hết veo ngay!

62. **Nhìn kìa!** Thằng hề đó lấy cái máy của ông, Tiến sĩ!

63. **Đợi đó, ông bạn!** Sao lại đi chôm phát minh của ông Tiến sĩ vậy chứ?! **Đưa đây!**

64. **Không đời nào!**

65. Tao đã đi tới mức này thì không thể để bị ngăn chặn bởi một tên gặm nhấm tự cao tự đại!

66. **Trời đất!** Hắn đang chạy trốn!

53. Look in the muddy driveway — tire tracks from a truck! And what's this?
54. It appears to be an empty bottle!
55. >Yechh!< Sleezy Pop! Who in his right mind would drink this junk?
56. A Sleezy Pop employee!
57. I've heard the head of their R&D lab is a pretty vile character! Could he be out to steal Fizzy Pop's thunder?
58. And your device!

59. Only one way to find out! Come on, Doc! Let's hit the road!
60. Shortly, at the Sleezy Pop Research and Development laboratory —
61. I stayed up all night trapping twisters and using the water to bottle this Tornado Tonic, but it was worth it! Once I deliver them to Duckburg, they'll fly off the shelves!

62. Look! That clown's got your gizmo, Doc!
63. Hold it right there, fellah! What's the big idea of filching the Doc's invention?! Hand it over!
64. In a pig's eye!
65. I didn't come this far to be foiled by some self-righteous rodent!
66. Holy cannoli! He's making a break for it!

67. Bộ hắn điên rồi sao? Hắn đang tuôn xuống con đường ngoằn ngoèo nhỏ hẹp này với vận tốc tối đa!

68. Tôi e rằng chúng ta có một vấn đề nghiêm trọng đấy, Mickey à!

69. Nếu giả thuyết của tôi là đúng, thì tên vô lại đó đã pha loại nước bão lốc đã tăng nạp vào toàn bộ nước giải khát trên xe của hắn!

70. Nếu như thứ chất lỏng không ổn định đó bị va đập quá mức thì một trận bão với quy mô khủng khiếp sẽ được phóng thích!

71. Trời ơi!

72. Hắn đang quẹo trên khúc cua gắt đó quá nhanh! Hắn sẽ chẳng bao giờ làm nổi!

73. KÉÉÉÉT!

74. Ồ! Nói về cơn ác mộng tệ hại nhất của ông trở thành hiện thực!

75. Ôi, MÁ ƠI!

76. RẦM!

77. RẺNG!

78. BỊNH!

79. Tôi không biết... tôi thấy những cái chai đó có vẻ không sao cả... ông nghĩ sao?

80. Có lẽ tôi đã tính toán sai...

81. ...nhưng có lẽ không sai! Nhìn kìa!

82. Ồ! Tôi có cảm giác rất xấu về chuyện này!

67. Is he nuts? He's barreling down this narrow winding road at top speed!
68. I'm afraid we have a serious problem, Mickey!
69. If my theory is correct, that scoundrel has infused his entire truckload of Sleezy Pop with supercharged tornado water!
70. If the unstable liquid is jostled unduly, a storm of monstrous proportions could be unleashed!
71. Omigosh!
72. He's taking that sharp curve way too fast! He'll never make it!
73. SKReeEEEECH!!
74. Ouch! Talk about your worst nightmare come true!
75. OooOOH mommMMMAA!!!
76. KRUNCH!
77. KA-THUNCH!
78. BOINNK!
79. I don't know... those bottles look okay to me... what do you think?
80. Perhaps I mis-calculated...
81. ...but perhaps not! Look!
82. Uh-oh! I've got a bad feeling about this!
83. SLEAZY POP
84. SLEAZY POP
85. SLEAZY POP











86. Oh no! Thar she blows!
87. GUUUUUUSH!
88. It's the unthinkable come true! Those geysers of super-charged Sleezy Pop are mixing with the atmosphere!
89. That's no mere twister! It is more like a hurricane made out of gooey, sticky Sleezy Pop!

90. SLEAZY POP
91. And it's headed right for Duckburg! Can't we suck it back into a bottle of water, Doc?!
92. No! The super-charged water won't work on this beast of a storm!
93. The carbonated nature of the hurricane is chemically incompatible with plain old H_20!

94. >Groan!<
95. I... I'm sorry! I didn't know what I was getting myself into!
96. Well, maybe I don't either, but I've got an idea!
97. But in order for it to work, we've got to beat that storm to Duckburg!
98. VAAROOOOOOM!

99. Sau chuyến xe thật lẹ...

100. **Hỡi các công dân Duckburg!** Hãy lắng nghe! Chúng ta có thể ngăn chặn mối hiểm họa đang xông tới chúng ta! Nhưng tất cả chúng ta phải cùng làm việc với nhau! Tôi cần tất cả mọi chai Nước giải khát Fizzy trong thành phố này phải được đem ra ngoài đường! **Ngay bây giờ!!**

101. Được rồi, Mickey!

102. Những chai nước Fizzy của các tủ lạnh ở tư gia...

103. Của các tiệm tạp hóa...

104. SIÊU THỊ GIẢM GIÁ

105. Của các tiệm giải khát và các máy bán hàng tự động...

106. **Tuyệt lắm!** Bây giờ tôi có thể dùng thiết bị của ông để tăng nạp cho toàn bộ số chai Nước giải khát có ga Fizzy kia, thưa Tiến sĩ!

107. XÌÌÌÌÌ!

8888

108. Và vừa kịp lúc đó, Mickey!

109. Cơn bão nhớp nháp đang ở ngay trên đầu chúng ta!

99. Hasty driving later —
100. Citizens of Duckburg! Listen up! We can stop this menace bearing down on us! But we all have to work together! I need every bottle of Fizzy Pop in town out on the streets! Now!!
101. Okay, Mickey!

102. From the refrigerators of private homes they come —
103. From grocery stores —
104. HY COST'S DISCOUNT SUPER-MARKET
105. From soda shops and vending machines —

106. Great! Now I can super-charge all these bottles of carbonated Fizzy Pop with your gizmo, Doc!
107. ZZZZZZZZZZZZZTTT!!
108. And just in the nick of time, Mickey!
109. The gooey storm is right on top of us!

110. Lúc này hoặc chẳng còn lúc nào! Không còn gì để làm nữa ngoài việc hy vọng và cầu nguyện rằng tôi đúng!

111. Có hiệu quả đấy! Trận bão đang bị vỡ tan thành hàng tá những cơn lốc nhỏ hơn!

112. Mỗi cơn lốc đang bị cuốn hút về những chai Nước Fizzy như một con nai bị cuốn hút bởi tiếng gọi của nai!

113. **Tạ ơn Chúa!** Những cơn lốc đã bị hút một cách an toàn vào nước giải khát!

114. PHỤT!

115. **Chà!** Tuyệt làm sao! Chim đang hót! Bầu trời trong xanh! Một ngày tuyệt vời!

116. **Hoan hô!**

117. **Ông chuột!** Tôi là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Nước giải khát Fizzy! Tôi không chỉ muốn cám ơn ông vì đã cứu thành phố của chúng ta...

118. ... mà tôi còn muốn chào mừng ông vì đã sáng chế ra một loại Nước Fizzy mới tuyệt vời — loại Nước bổ Bão lốc mạnh hết ý!

119. Ôi!

110. It's now or never! Nothing left to do but hope and pray that I'm right!
111. It's working! The hurricane is breaking up into dozens of smaller tornados!
112. Each twister is being drawn like a moose to a moose call toward the various bottles of Fizzy Pop!

113. Hallelujah! The tornados are being sucked safely into the pop!
114. PHOOOOOMMMPH!
115. Wow! How about that! Birds are chirping! Skies are blue! It's a gorgeous day!
116. Hooray!

117. Mr. Mouse! I am the Chairman of the Board of Fizzy Pop, Inc.! Not only do I want to thank you for saving our city...
118. ...but I also want to salute you for inventing a great new Fizzy Pop — a Tornado Tonic with one heck of a kick!
119. >Groan!<

VỊT DONALD

Mồi câu mới

Người dịch : ĐÔNG QUỲNH





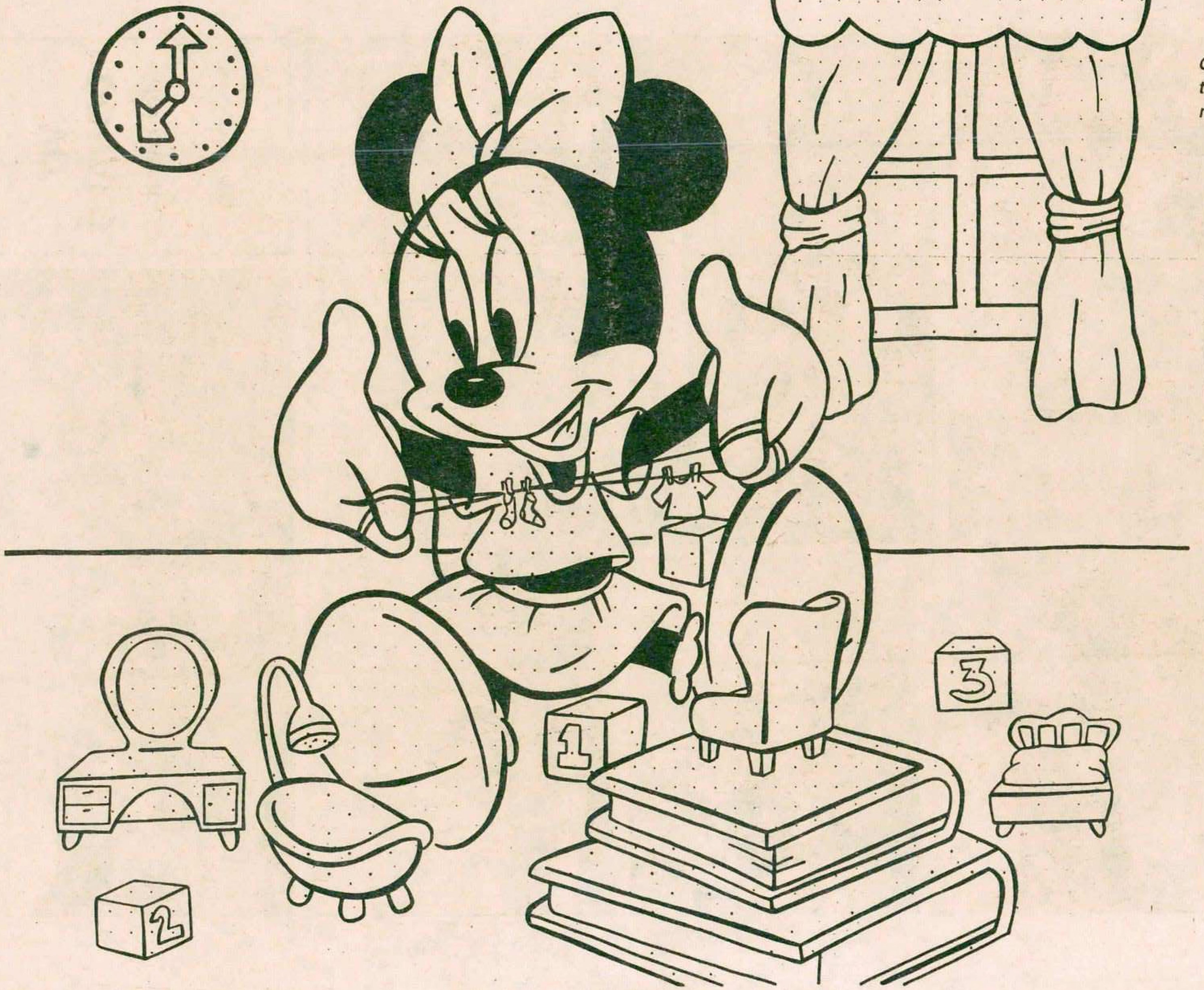








1. You'd better step aside, Harry! I'm feeling really lucky today!
2. DUCKBURG FISHING CLUB
3. With my new, super-duper bait, I can catch anything!
4. An' look how far I can throw it with my new, slick handmade rod!
5. Ha, ha! I got something on my very first attempt! Something big!
6. What?! A grilled steak?
7. Look! That's the culprit!
8. Hey! Give us back our food, duck!

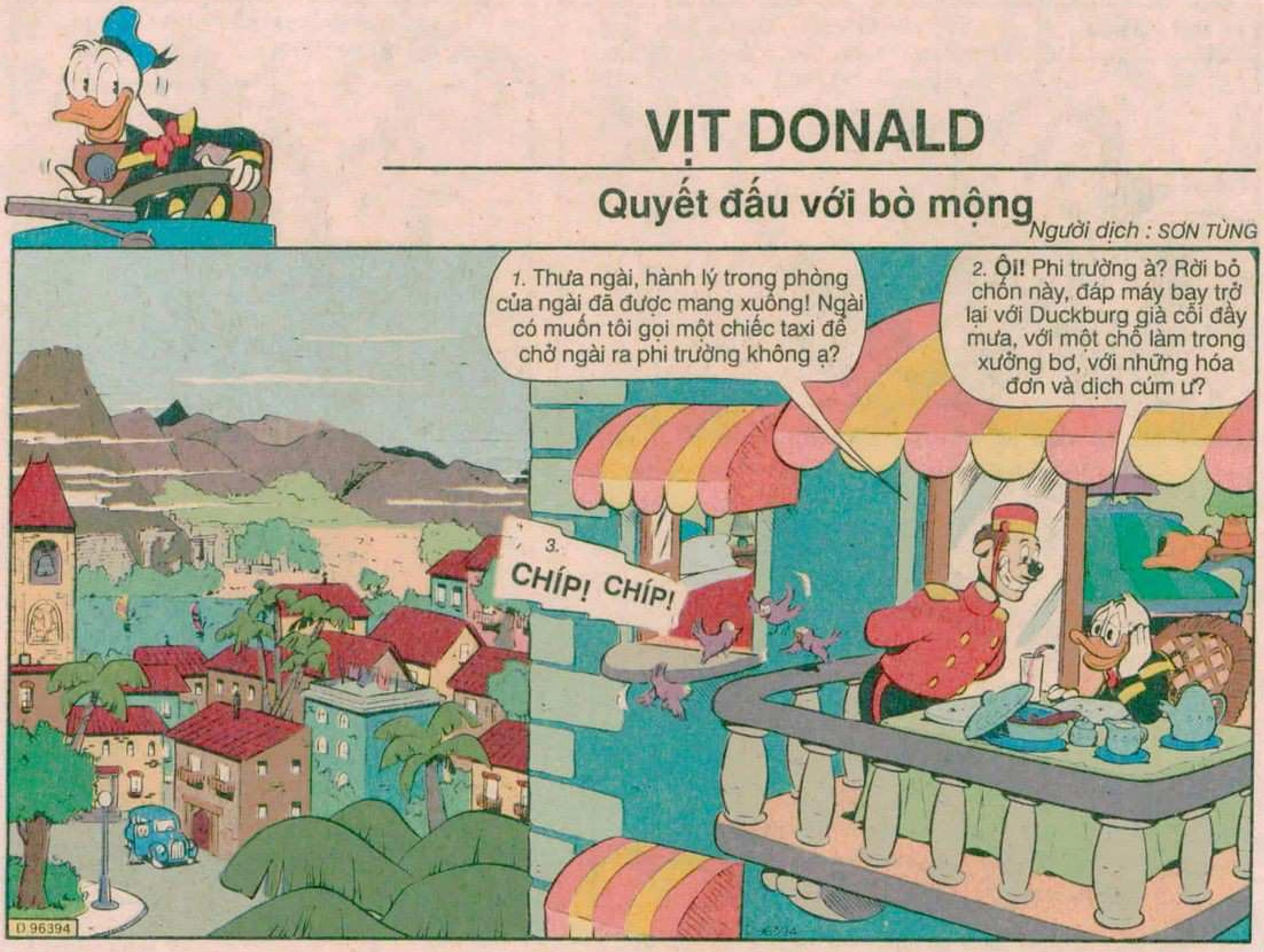


Các bạn có đủ đồ chơi như tớ không? Các em hãy tô màu tranh theo ý thích.

VỊT DONALD

Quyết đấu với bò mộng

Người dịch : SƠN TÙNG











1. Your bags have been brought down from your room, sir! Do you want me to call you a taxi to take you to the airport?
2. >Sigh!< Airport? Leave all this, to catch a plane to rainy old Duckburg, a job in the margarine factory, bills and flu?
3. CHIRP! CHEEP!
4. Well, all good things must come to an end! I'll arrange my own transport, my good man!
5. The last of the big tippers!
6. Speaking of things coming to an end, this holiday has made a good dent in my savings!
7. Paying the bill has left me with only $150! I can't even afford the plane ticket home!
8. Looks like I'm going to have to stay on in paradise a while longer and find a job! I'd better deposit my luggage first, though!
9. JOB CENTER

10. Một lúc sau...

11. Chỗ còn trống duy nhất là ở nhà máy thạch cao, ở phía thung lũng Cannelloni, bên kia phế tích thành phố Spectaculum!

12. Tui nhận việc đó!

13. Dù công việc này có tệ tới đâu đi nữa cũng không thể tệ hơn làm việc trong xưởng bơ!

17.

14. Có thể thấy rằng mình đang hòa nhập vào lối sống vùng Địa Trung Hải này!

15. VÙÙÙ!

16. Đồ điên!

Cám ơn nghe!

18. VÙÙÙ!

19. Nếu thằng điên đó mà ở Duckburg thì hắn đã vô nhà đá từ khuya, giờ chắc cũng sắp sửa rồi!

20. VÙÙÙ!

21. Xin lỗi, ông có thể chỉ giúp tôi đường tới nhà máy thạch cao không ạ?

22. Cứ đi về hướng thung lũng, qua chỗ phế tích, là anh thấy nó liền!

Ngay sau đó...

23.

24. Spectaculum! **Hừm!** Coi bọn ngốc này đang bị xỏ mũi dẫn đi như mấy con cừu non trong một chuyến du lịch chán ngắt!

10. Shortly —
11. The only vacancies are in the plaster works, up the Cannelloni Valley, beyond the ruined city of Spectaculum!
12. I'll take it!
13. However bad it is, it can't be as bad as working at the margarine factory!
14. I can just feel myself slipping into this mediterranean lifestyle!
15. ZOOM!
16. Maniac!
17. Thanks!
18. VROOM!
19. If that nut was in Duckburg, he'd be a guest of the city jail, round about now!
20. ZOOOM!
21. Excuse me, can you tell me how to get to the plaster works?
22. Just head up the valley, past the ruins, you can't miss it!
23. Soon —
24. Spectaculum! Snort! Just look at all those idiots being led around like sheep on a boring tour!

25. **Oái!** Cái xứ sở gì mà kỳ quặc với bọn lái xe cẩm tử!

26. VÙÙÙ!

27. Mình tới được nhà máy thạch cao là cũng hên lắm đó! Nếu mình không tiêu vì nóng thì một thằng khùng lái mô-tô nào đó cũng triệt mình thôi!

28. Cuối cùng thì ...

29. >**Hự!**< Có lẽ mưa nắng ở xứ Duckburg còn đỡ hơn!

30. Nếu chú mày là thợ mới... thì vậy là chú mày đi làm trễ rồi!

31. NHÀ MÁY THẠCH CAO CANNELLÒNI

32. Tụi tao sẽ cho mày làm việc dễ trước! Chất mấy cái bao thạch cao này lên chiếc xe tải đó!

33. Thưa ông, có lẽ kỹ năng nghề nghiệp của tui thích hợp với công việc hành chánh hơn!

34. Nếu chú mày làm việc chăm chỉ, chừng vài năm nữa, tụi tao sẽ cất nhắc mày lên!

35. **Hừ!** Mình đâu dè lại có thể như vầy chứ, so với công việc này thì việc làm ở xưởng bơ chỉ như là đi cắm trại!

36. **Úi chà!** Cái này coi bộ hơi nặng hơn là mình tưởng!

37. Đừng có mà nhởn nhơ nữa, đồ điên!

38. **Oái!**

39. **Á!** Đồ đần!

40. PHỤP!

25. Wak! What is it with this country and it's kamikaze drivers!
26. VROOM!
27. I'll be lucky to make it to the plaster works! If the heat doesn't get me, one of those loony scooter drivers will!
28. Eventually —
29. >Gasp!< Maybe there is something to be said for the rain and cold of Duckburg!
30. If you're the new worker... you're late!
31. CANNELLONI PLASTER WORKS
32. We'll start you easy! Load those sacks of plaster onto the truck!
33. My skills are much more suited to an administrative position, you know!
34. If you work hard, we might promote you in a few years!
35. Grunt! I wouldn't have thought it possible, but this job makes the margarine factory look like a holiday camp!
36. Uh-oh! This thing is just a little bit heavier than I thought!
37. Stop joking around, you fool!
38. Wak!
39. Aagh! You imbecile!
40. KRWUSSH!

41. Mấy phút sau...
42. Đừng hòng đòi tiền nghỉ việc nghe chưa!
43. Than ôi, giờ thì mình phải ráng lo quá giang về lại thị trấn!
44. Cần quá giang hả?
45. Tui cần một chuyến quá giang, tiền bạc và một công việc nhàn nhã! Nhưng hiện giờ chỉ cần một chuyến quá giang là đủ!
46. TẠCH! TẠCH! TẠCH!
47. Tui phải đi qua phế tích Spectaculum thăm người bà con làm nghề hướng dẫn du lịch!
48. Vậy thì cứ việc thong thả, tui đã hủy bỏ hết mọi cuộc hẹn trong ngày rồi!
49. Ái! Mình quên mấy thằng này chạy ra sao rồi!
50. VÙÙÙ!
51. Chuyến đi này dám hủy hết mọi cuộc hẹn còn lại của đời mình lắm à!
52. VÙÙÙ!
53. Đó là một người anh họ khác của tui!
54. Tui thấy ai trong gia đình của anh cũng đều có tài lái xe hết á!
55. KÉÉÉÉT!
56. Đi theo đường tắt sẽ tiết kiệm được mấy phút!
57. Ý anh muốn nói đi đường tắt thì tụi mình sẽ chết lẹ hơn là đi đường lớn chứ gì!
58. VÙÙÙ!
59. Chừng nào tới nơi anh kêu tui nghe, mà tui hổng có ý nói là tới bên kia thế giới đâu đó!
60. KHU KHẢO CỔ SPETACULUM

41. Minutes later —
42. Don't even think about asking for severance pay!
43. Groan! Now I've got the pleasure of that exhausting hike back to town!
44. Need a lift?
45. I need a lift, money and a cushy job! But I'll gladly settle for just the lift, right now!
46. PUTT! PUTT! PUTT! PUTT!
47. I have to go via the ruins of Spectaculum, to see my cousin, who's a tour guide!
48. Take you're time, I've canceled all my appointments for the rest of the day!
49. Wak! I forgot how these guys drive!
50. ZOOOM!
51. This ride might cancel my appointments for the rest of my life!
52. VROOOM!
53. That is another of my cousins!
54. I see your driving skill runs in the family!
55. SCREECH!
56. This shortcut will save us a few minutes!
57. You mean it'll get us killed quicker than driving on the road!
58. ZOOOM!
59. Tell me when we get there and I don't mean 'the other side'!
60. SPECTACULUM ARCHAEOLOGICAL SITE

61. Tới rồi nè! Đây là ông anh họ Hermes của tui!

62. Giờ mới hết nghĩ đến cái chết bất đắc kỳ tử!

63. Bọn du khách này trở nên rất hào phóng khi tiếp xúc với nét đẹp của nền văn minh cổ của chúng ta!

64. Mình đi về thành phố đi! Tui phải gửi cái này vô ngân hàng để có chỗ trống trong cái bóp của tui dành cho mấy chuyến du lịch chiều nay nữa!

65. Bộ anh hổng muốn đi về thành phố sao?

66. Không, cám ơn, tui còn phải tham gia chút đỉnh vô việc làm ăn ở đây nữa!

67. Một lúc sau...

68. Muốn trở thành hướng dẫn viên du lịch anh phải đóng 140 đồng tiền giấy phép và 10 đồng tiền mua sách hướng dẫn loại chính thức!

69. Mình sẽ rỗng túi mất nhưng mình sẽ kiếm lại được món tiền nhỏ mọn này chẳng lâu đâu!

70. HƯỚNG DẪN VIÊN CHÍNH THỨC

71. HƯỚNG DẪN VIÊN TRƯỞNG

72. Còn có một kỳ thi khó khăn nữa, nhằm đánh giá kiến thức của anh về khu di tích cổ này!

73. Tui sáng dạ lắm, chỉ cần một hay hai giờ là học được hết!

74. Sau đó...

75. Có lẽ ta đã nhìn lầm hắn rồi! Chưa bao giờ ta thấy ai làm bài thi nhanh như hắn!

76. "Và thành phố bị chôn vùi trong nham thạch và bụi phun từ núi lửa gần đó..."

61. We're here! This is my cousin Hermes!
62. Now there's a sight to take my mind off sudden death!
63. These tourists become very generous tippers when exposed to the beauty of our ancient civilization!
64. Let's go to town! I've got to deposit this at the bank, to make room in my pockets for the afternoon tours!
65. Don't you want to go to town?
66. No thanks, I've got a little bit of business to attend to here!
67. Shortly —
68. To be a tour guide, you must pay $140 for a license and $10 for the official guide book.
69. I'll be skint but I shouldn't be long making that paltry sum back!
70. OFFICIAL TOUR GUIDES
71. HEAD GUIDE
72. There is also a very stiff examination, to test your knowledge of this ancient site!
73. I'm a very quick study, just give me an hour or two to swot up!
74. Later —
75. Maybe I was wrong about him! I've never seen anyone go through the exam so fast!
76. "And the city was buried in lava and dust from the nearby volcanic eruption..."

77. Cuối cùng...

78. ...cách đây gần 2.000 năm!

79. Tuyến du lịch này đúng là một mỏ vàng! Nếu mình có thể dẫn bọn cừu non này đi dạo quanh nhanh hơn nữa thì mình sẽ dẫn thêm được vài tốp khác!

80. Nhanh lên các bạn, theo quy định mới thì tui chỉ có 30 phút để đưa các bạn tham quan toàn bộ khu di tích!

81. Nếu hắn cho nhóm của hắn vào đó trước, thì mình phải tốn thêm 20 phút trong chuyến của mình và ngày hôm nay mình sẽ bị hụt mất một nhóm!

82. Quý vị hãy nhanh chân lên! Cái nhà tắm này đã tồn tại ở đây 2.000 năm rồi, nó không chịu đựng được bao lâu nữa đâu!

83. Ê, bà làm gì vậy?! Tụi tui tới đây trước mà!

84. Hướng dẫn viên dày dạn kinh nghiệm hơn thì được ưu tiên mà! Đó cũng là quy định mới!

85. Hừ! Được rồi, thưa bà, là bà muốn gây sự đấy nhé!

86. Xin cứ chiêm ngưỡng pho tượng của... à ...Aphrodite, trong khi tui xin dành vài phút cho một chuyện nhỏ!

87. ?

77. Eventually —
78. ...almost 2,000 years ago!
79. This tour thing is a goldmine! If I can get these sheep around quickly, I can squeeze in another few flocks!
80. Hurry up folks, under new regulations, I've only got 30 minutes to show you all the ruins!
81. If he gets his group in there first, that's going to add 20 minutes to my tour and I'll get one less group in, today!
82. Pick up the pace, you people! That bath-house has been here 2,000 years, it probably won't stay standing very much longer!
83. Hey, what are you doing?! We were here first!
84. The experienced guides get priority! That's another new regulation!
85. Fume! Okay lady, if it's a war you want!
86. Please admire this statue of... err... Aphrodite, while I take a few minutes to attend to a little matter!
87. ?

88. Đây là một ví dụ sinh động về sự đặc thù của hệ thống ống dẫn nước của người La Mã cổ đại!

89. KÉT!

90. **Hừ!** Chỉ cần ấn nhẹ cái cần này để dẫn nước vào bồn tắm!

91. KÉT!

92. Chắc có cái gì đó làm nghẹt ống rồi!

93. Được lắm, quý bà ạ! Đã đến lúc làm sạch sẽ hành động của bà một chút!

94. KÍÍÍT!

95. **Oái**

98. PHỤT!

96. Cái này còn nhộn hơn khu công viên giải trí nữa!

100. RÈÈÈ!

99. CẮC!

97. Chắc tui sẽ đoạt giải "phim video gia đình vui nhộn nhất"!

101. **Ái chà!** Có bồn tắm La Mã cổ đại thì phải có người La Mã cổ đại tắm!

102. Hãy coi chừng cái lưng của ngươi đó!

103. Cái gì, tắm cái lưng của tui hả?!

88. This is a good example of the genius of ancient Roman plumbing!
89. CREAAK!
90. Grunt! It just takes a slight pressure on this lever to start water flowing into the bath!
91. KREAK!
92. There must be something blocking the pipe!
93. Okay, lady, it's time to clean up your act a little!
94. SKKKK!
95. Shrieek!
96. This is more fun than amusement parks!
97. It's going to win me a prize on "Funniest Home Video's"!
98. WHOOOSH!
99. SNAP!
100. WHIRR!
101. Guffaw! There's the ancient Roman baths and there's an ancient Roman bather!
102. You'd better watch your back!
103. What was that, wash my back?!

104. Một lúc sau...

105. Quý vị sắp sửa được quan sát một thermopolium, đó là một từ La Mã tương đương với một quán ăn nhỏ kiểu Hy Lạp — phục vụ thức ăn nóng!

106. Oái!

107. Chú mày là món duy nhất cho hôm nay đó, con ạ!

PHỤP! 108.

109. Ááá!

110. Chắc anh ta đang biểu diễn một tục lệ của người La Mã cổ đại!

111. Thiệt là hấp dẫn hết sức, chắc cách đây 2.000 cũng diễn ra cảnh y hệt như vầy!

112. Cứứứứứu!

CỐP! 113.

114. Tui đang ở đ...đâu vậy?

115. CRỐP!

116. Ối!

117. Ồ! Thật là chuyên nghiệp! Thử nghĩ xem, với mỗi nhóm anh ta đều phải diễn trò này!

118. BỐP!

119. Giờ ăn trưa ...

120. Và họ đều nghĩ rằng thằng vịt dẫn đó đã diễn trò cho họ xem!

121. Hà! Chuyện đó sẽ dạy cho nó một bài học rằng không phải chỉ việc bước vô đây là có thể nhập bọn với tụi mình đâu!

122. Ờ, thằng vịt dẫn này được thưởng 20 đồng cho trò diễn đó đấy!

104. Shortly —
105. You're about to see a thermopolium, which was the Roman equivalent of a taverna — serving hot food!
106. Wak!
107. You're the only thing on the menu today, buster!
108. SLAM!
109. Yeaagh!
110. He must be demonstrating some ancient Roman custom!
111. This is so exciting, it must have been just like this 2,000 years ago!
112. Hellllllp!
113. TRUNDLE!
114. Wha... where am I?
115. KRUNCH!
116. Unnf!
117. Wow! What a professional! To think he must put this show on for every group!
118. THUNK!
119. Lunch time —
120. And they all thought the idiot duck was putting on a show for them!
121. Guffaw! That'll teach him that he can't just walk in here and become one of us!
122. Well, this idiot duck made $20 in tips for that show!

123. Nhưng xúi quẩy là mình phải xài ráo vô việc mời bác sĩ từ thành phố tới để chăm sóc cho cái đầu của mình!

124. Mình không chịu nổi cảnh bọn này cười nhạo mình!

125. NHÀ TẮM

126. ĐẤU TRƯỜNG

127. KHÒ KHÒ

128. Phải trả thù thôi, và may quá mình đã tìm được một kẻ có tâm địa xấu xa thích hợp cho việc đó rồi!

129. SƠN ĐỎ

130. Ngay sau đó...

131. Khà khà! Bọn cà chớn này sẽ học được bài học rằng chớ nên làm ta bực mình và rồi ngủ trưa trong ngày hôm đó!

132. Khò khò

133. SSSSS!

134. Lát sau...

135. >**Ngáp!**< Tui rất thích những ngọn gió ấm áp thổi vào buổi trưa!

136. **Úi!** Coi bộ gió có mùi gì hơi lạ đó nghe!

137. **Khừ!**

138. **Oái!**

139. Còn bây giờ, để phục vụ nhu cầu giải trí và kiến thức của quý vị chúng tôi sẽ diễn lại cảnh **"dũng sĩ quyết đấu bò mộng"!**

140. Ồ, mấy người này thật là rành chuyện dàn dựng một "sô" diễn!

141. Gừ!

142. CẮC!

143. RÈÈÈ!

123. *Unfortunately I spent it, getting a doctor to come from town, to look at my head!*
124. *I can't bear the thought of all those guides laughing at me!*
125. *BATH-HOUSE*
126. *ARENA*
127. *ZZZZ*
128. *Revenge is in order, and fortunately I know someone with a devious mind, suited to the task!*
129. *RED PAINT*
130. *Shortly —*
131. *Giggle! These bozos will soon learn not to annoy me and take a siesta in the same day!*
132. *ZZZZ!*
133. *SSSSS!*
134. *Soon —*
135. *Yawwn! I do like it when the warm winds blow in the afternoon!*
136. *Gulp! I thought the 'wind' smelled a bit funny!*
137. *Snort!*
138. *Shriek!*
139. *And now, for your entertainment and education, we're going to re-enact 'the gladiators versus the auroch'!*
140. *Golly! These people sure know how to put on a show!*
141. *Snort!*
142. *CLICK!*
143. *WHIRR!*

144. Tránh đường cho ta, đồ du khách ngu ngốc!

145. Vì sao con thú đó chỉ đuổi theo tụi mình?!

146. Bọn này mà gọi là hướng dẫn viên ư?! Tui thấy cảnh tù nổi loạn còn ít hỗn loạn hơn đó!

147. !

148. Sau đó...

149. Chính vì "trò đùa nhỏ" của mày mà bọn tao bị mất việc và bị hạ cấp xuống đi bán sách hướng dẫn du lịch!

150. Vậy thì chú mày dẫn nhóm của chú mày đi tìm phế tích khác! Tụi tao vừa vận động cấm không cho chú mày vào Spectaculum nữa!

151. Có lẽ đã đến lúc công bố công việc kinh doanh mới nhất của mình!

152. Tui mướn chiếc xe khách này để chở du khách trên một chuyến du lịch toàn cảnh qua con đường phía sau trước khi vào thành phố!

153. !

154. DU LỊCH VỊT DONALD

155. Tốt, các bạn, vào chỗ ngồi và cứ tự nhiên đặt câu hỏi trong suốt chuyến đi!

Ngay sau đó ...

156.

157. Chẳng bao lâu nữa, chúng ta sẽ đi ngang ngọn núi lửa ngưng hoạt động mà trước đây đã tàn phá thành phố cổ!

158. VRÙÙÙM!

159. Xin hãy sẵn sàng máy chụp hình, nó ở ngay cua quẹo phía trước!

144. Get out of my way, you stupid tourist!
145. Why is that beast only chasing us?!
146. You call these people guides?! I've seen better control at prison riots!
147. !
148. Later —
149. Thanks to your little 'joke', we're been sacked and reduced to selling guide books!
150. So you can take your group and go find some other ruins! We've just made Spectaculum off limits to you!
151. Maybe this is a good time to announce my latest venture!
152. I've hired this coach to take people on a panoramic drive, before entering the city, by the track at the rear!
153. !
154. DONALD DUCK TOURS
155. OK, folks, settle in and feel free to ask any questions during the tour!
156. Shortly —
157. Pretty soon, we'll be going past the now dormant volcano that destroyed the ancient city!
158. VROOM!
159. Get your cameras ready, it's just around the next bend!

160. Ơ... xin lỗi!
161. Bây giờ không phải lúc! Ông có thể đặt câu hỏi sau khi tui nói xong!
162. Sau khi anh nói xong hay sau khi anh đụng cái xe gắn máy kia!
163. **Oác!**
164. Không việc gì phải hoảng sợ, các bạn ạ, chuyến du lịch của chúng ta sẽ không thể trọn vẹn mà không có sự biểu diễn kỹ thuật điều khiển xe của xứ sở này!
165. **Ối trời!** Tui còn ở đây mà không biết tìm tui rụng chỗ nào rồi!
166. KÉÉÉT!
167. CỘP!
168. Thử nghĩ mình là cục đá đó coi!
169. Sức mạnh một cục đá nhỏ thật đáng kinh ngạc!
170. Sức mạnh của thiên nhiên đang hành động!
171. CỐP!
172. Còn có thể nói rằng, sức mạnh của một gã vịt vô ý vô tứ đang hành động!
173. **Ôi!**
174. RẦM!
175. **Oái!** Tránh qua một bên, tui cho là núi lửa sắp phun rồi!
176. RÀO!

160. Err... excuse me!
161. Not now! You can ask questions after my talk!
162. After your talk or after you hit that scooter!
163. Wak!
164. No need to panic folks, our tour wouldn't be complete without a demonstration of local driving techniques!
165. Gasp! I'm here but I don't know where my heart is gone!
166. SCREECH!
167. CLUNK!
168. To think that could have been us!
169. It's amazing what power a little stone can have!
170. The force of nature at work!
171. CLONK!
172. Some might say, the force of a careless Duck at work!
173. Gulp!
174. RUMBLE!
175. Shriek! Get to the sides, I think she's going to blow!
176. KRUNNNCH!

177. Tui mong là anh đang để dành tiền "boa"!
178. ÀO!
179. Ồ! Đây sẽ là khuôn thạch cao lớn nhất từ trước đến nay!
180. RỐP! VÚT!
181. Oái! Chuyện gì đã xảy ra vậy? Núi lửa phun lại à?!
182. Câm đi, đồ ngu! Nếu đó mà là nham thạch thì giờ này mày đâu có nói chuyện được!
183. Chiều hôm đó...
184. Tui còn 15 đồng! Số tiền này đi được bao xa?
185. A, chúng tôi biết sẽ tìm được anh chỗ này!
186. Một chỗ làm mới vừa thiếu người!
187. Một chỗ tui nghĩ rất thích hợp với anh!
188. Và thế là, ngày hôm sau...
189. Và 2.000 năm sau thành phố lại bị chôn vùi lần thứ hai trong thảm họa Vịt Donald!
190. Mà theo tiến độ như vầy, mình sẽ còn lưu lại đây trong 2.000 năm nữa!
191. CỐP!

177. I hope you've been saving your tips!
178. WHOOSH!
179. Wow! This is going to be the biggest plaster cast anyone's ever seen!
180. CRUMP! SWOOSH!
181. Shriek! What happened, did the volcano erupt again?!
182. Shut up, you fool! If that was lava, you wouldn't be talking right now!
183. That evening —
184. I've got $15! How far from here will that get me?
185. Ah, we thought we'd find you here!
186. A job vacancy has just come up!
187. One which we think would suit you very well!
188. And so, the next day —
189. And 2,000 years later, the city was engulfed for a second time in the great Donald Duck disaster!
190. And at the rate this is going, I'll still be here in another 2,000 years!
191. CLINK!

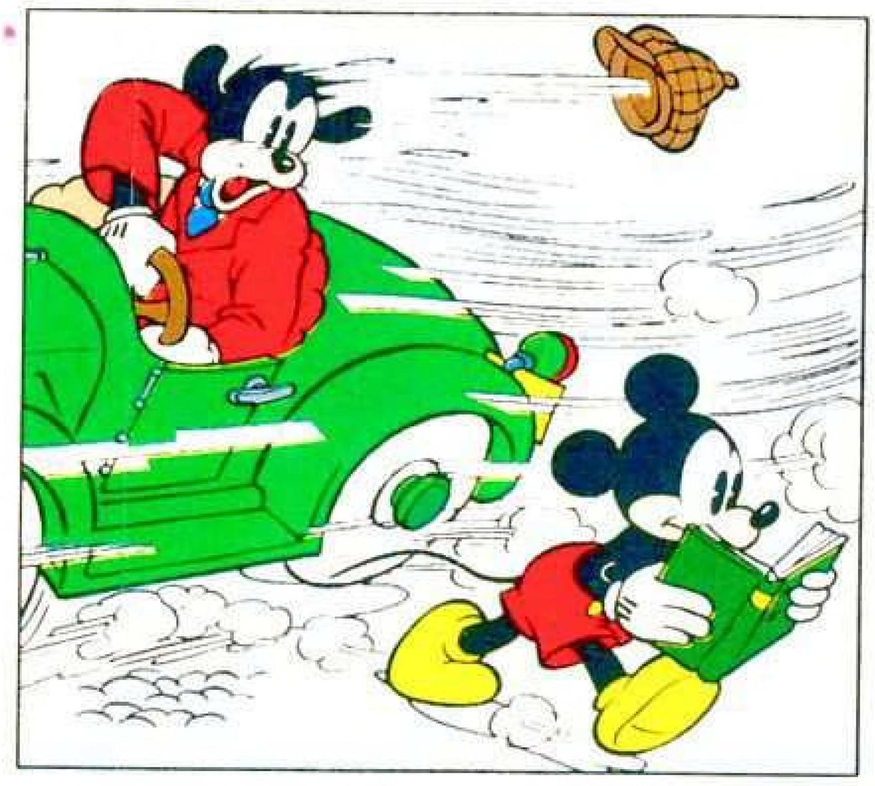
CHUỘT MICKEY

Mê sách

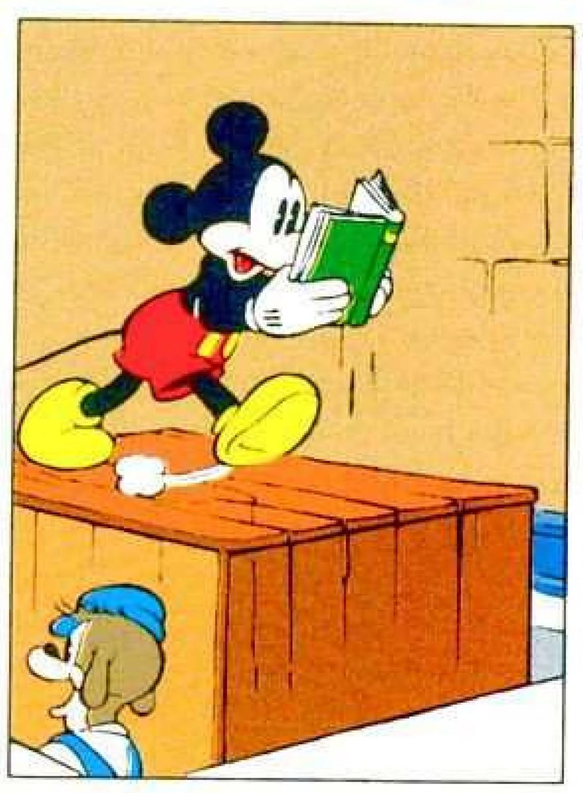
Người dịch : ĐÔNG QUỲNH



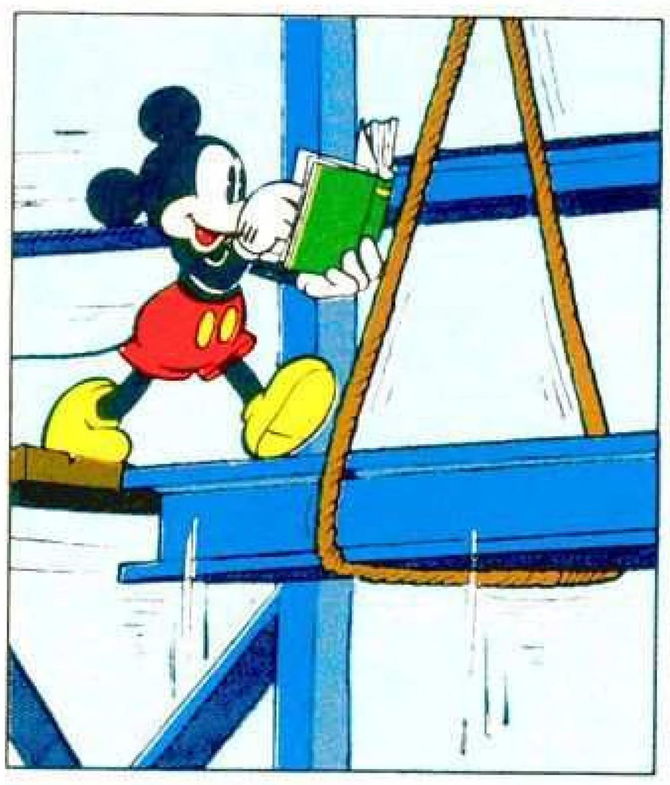


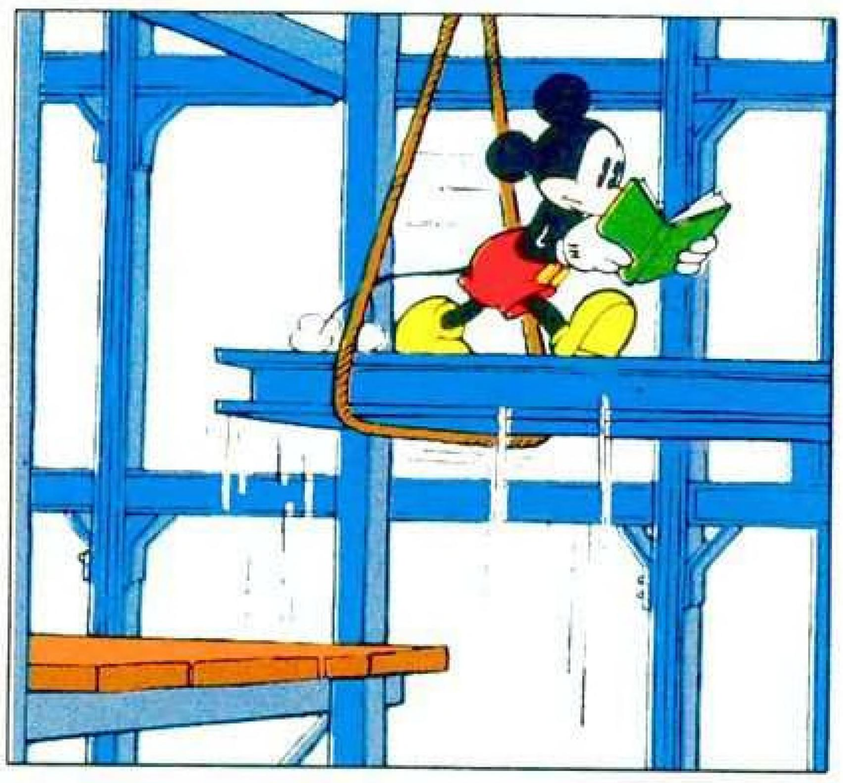


















1. Boy! What a swell story! It's th' best book I ever read!
2. BR-R-R-RING!

3. Hello!... Oh, hello, Minnie... Well... I was awful busy, but... sure... I'll be glad to fix it for you! I'll be right over!

4. DANGER FREIGHT ELEVATOR
5. The end! Boy... what a swell book! An' now to...
6. !

• Chịu trách nhiệm xuất bản : **LÊ HOÀNG** • Chịu trách nhiệm bản thảo : **NGUYỄN ĐÌNH NAM** • Biên tập : **NGUYỄN TRÍ CÔNG** • Bìa 1 : **ÂU VIỆT DESIGN** • In tại Xí nghiệp in Lê Quang Lộc theo số đăng ký KHXB : 863/8/CXB (ngày 14-12-1996) và Giấy TNKHXB 377/97/NXB Trẻ. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5-1998. • Liên hệ quảng cáo : **PHÒNG QUẢNG CÁO TBKTSG**, 35 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TPHCM. ĐT & Fax : (848) 8295742.

Giá : 3.500 đ

CÁC EM ĐÓN XEM TRUYỆN TRANH

WALT DISNEY'S

TẬP 69

Phát hành ngày 11-5-1998

Với các câu chuyện

• Nhiếp ảnh gia Donald

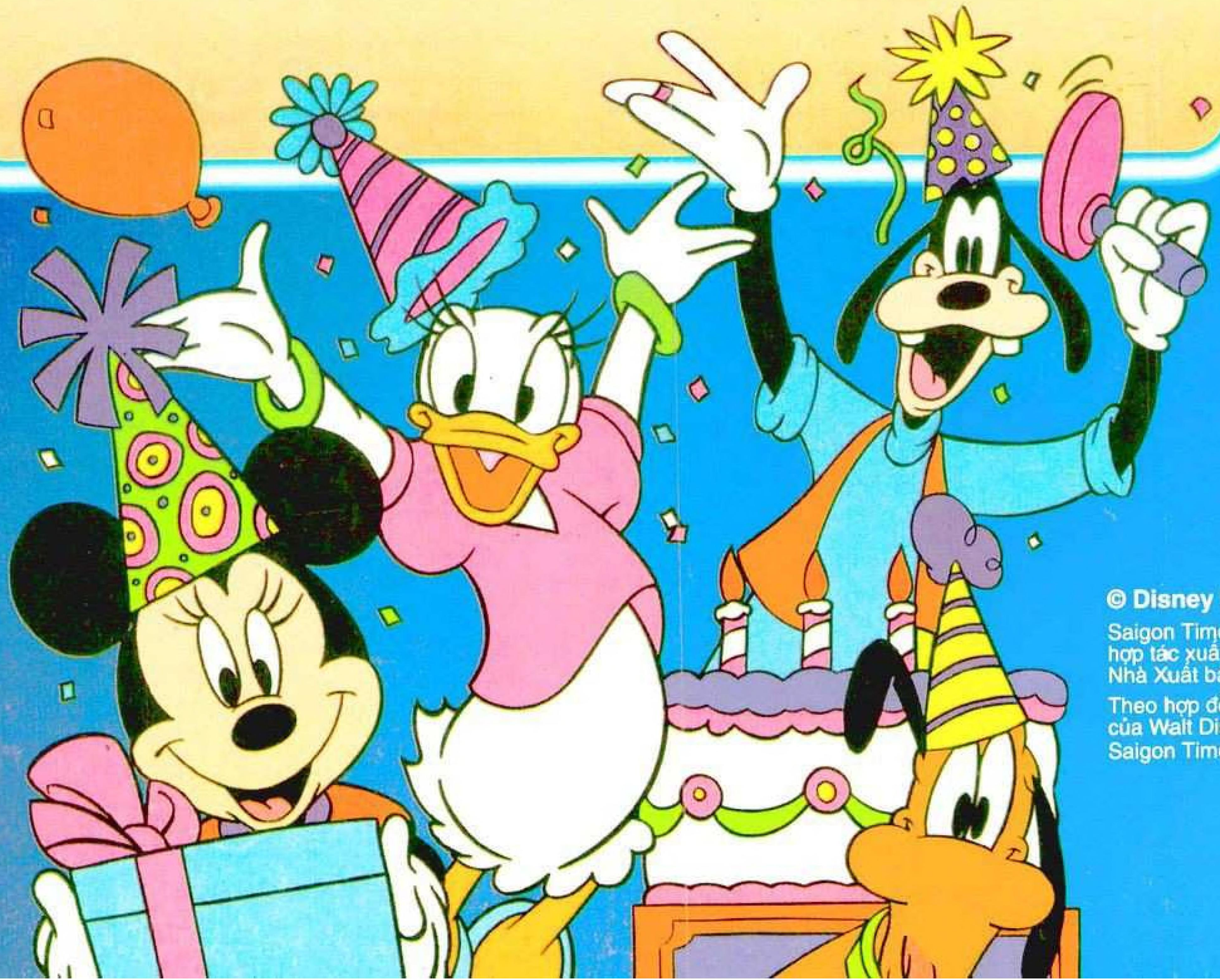
Tiệm chụp hình của Donald rất thành công. Qua ống kính của anh người già hóa trẻ, một đứa bé cộc cằn thành dễ mến, một con chó "xụi lơ" thành hung hăng dữ tợn. Donald làm hài lòng khách đến nỗi tiếng tăm của chú vịt được khách quý của Duckburg biết tới. Vị Tiểu vương xứ Timbuctoo đòi Donald chụp cho một tấm hình kỷ niệm chuyến viếng thăm Duckburg. Không phải vì những lời dặn dò của mấy ông nghị viên thành phố làm nhiếp ảnh gia Donald phải chịu áp lực tâm lý nặng nề mà chính là vì cái mũi "tổ chảng" của vị Tiểu vương khiến tay chân anh chàng bủn rủn hết trơn! Tội nghiệp Donald, anh quá luống cuống trong khi thi hành nhiệm vụ...

• Phù thủy ngoài hành tinh

Mickey và Goofy đi du lịch ở Ý. Họ mướn được một căn phòng khách sạn rẻ tiền nhờ chủ khách sạn mới đuổi ông khách kỳ cục đã thuê căn phòng đó. Hai người bạn của chúng ta tìm thấy túi đồ nghề ảo thuật của ông khách để lại. Lạ thay, cái túi đáp ứng mọi điều ước của Mickey và Goofy. Nhưng giữa lúc cả hai hí hửng ước hai đĩa mì Ý (spaghetti) thì bỗng bức tường nứt ra... những sinh vật giống "Người Nhện" xuất hiện...

• Chiếc tàu Nữ hoàng Namibian (phần cuối)

Chiếc xuồng hơi của mấy chú cháu Donald xem ra thật quá mỏng manh trước bầy sấu háu đói nhung nhúc dưới dòng sông trong rừng già châu Phi rồi! Lại còn bọn cướp đang dí sát bên nữa!! Có cần phải liều mạng đi tìm kho báu tới vậy hay không, Vịt Donald?



© Disney Enterprises, Inc.

Saigon Times Group
hợp tác xuất bản với
Nhà Xuất bản Trẻ

Theo hợp đồng li-xăng
của Walt Disney dành cho
Saigon Times Group